

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 27/11/2019
“V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Chí Tâm

- Các Hội thẩm nhân dân 1/ Ông Danh On

2/ Bà Nguyễn Thị Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Quy - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:
Bà Lê Huyền Mao - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 193/2019/TLST–HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST–HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Thị H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp B, TT. N, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Sơn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp B, TT. N, huyện H, tỉnh B.

(Chị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không thông báo lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn chị Thị H tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Sơn T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngan Dừa vào ngày 29/3/2011. Chúng tôi chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh Tuấn hay đi nhậu về khuya và tôi khuyên can thì anh Tuấn đánh tôi. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với anh Tuấn nên tôi yêu cầu ly hôn với anh Sơn T .

Về quan hệ con chung: Tôi và anh Tuấn có 01 người con chung tên Sơn Thị A, sinh ngày 16/02/2012 hiện tại cháu đang sống chung với tôi. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn anh Sơn T không có lời trình bày:

Anh Tuấn có hộ khẩu thường trú tại ấp B, TT. N, huyện H, tỉnh B nhưng anh thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Đó đó, Tòa án không thu thập được lời khai của anh Tuấn.

Ý kiến của cháu Sơn Thị A tại bản tự khai đề ngày 12/8/2019 như sau:

Cháu tên Sơn Thị A là con đẻ của ông Sơn T và bà Thị H. Hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ. Nay cha, mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Thị H. Ngoài ra, cháu không có ý kiến gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị H được ly hôn với anh Sơn T.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Sơn Thị A, sinh ngày 16/02/2012 cho chị Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Sơn T

không phải cấp dưỡng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu A mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết

Ngoài ra, chị H phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Sơn T và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Sơn T có nơi đăng ký thường trú tại ấp Bà Gông, thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị H. Bị đơn anh Sơn T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Sơn T.

[II] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị H và anh Sơn T cưới nhau trên tình thân tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 29/3/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Tuấn là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống vợ chồng giữa chị H với anh Tuấn hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau đến nay. Chị H xác định không còn tình cảm với anh Tuấn nên yêu cầu ly hôn.

Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Tuấn đúng như lời trình bày của chị H hai người đã ly thân nhau khá lâu.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cũng như kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của chị H và anh Tuấn, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Tuấn là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị H.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Thị H và anh Sơn T có 01 người con chung tên Sơn Thị A, sinh ngày 16/02/2012 hiện đang sống chung với chị H. Ý kiến của cháu A là mong muốn được tiếp tục chung sống cùng với chị H. Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu A có nguyện vọng được sống chung với chị H nên cần đáp ứng nguyện vọng của cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về điều kiện chăm sóc con của chị H là đảm bảo. Vì từ trước đến nay cháu A do chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu vẫn được đảm bảo về mọi mặt. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu A cũng như tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H. Tiếp tục giao cháu Sơn Thị A, sinh ngày 16/02/2012 cho chị Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Sơn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Tuấn không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Thị H xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Sơn T không phải chịu án phí.

[5] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị H .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị H được ly hôn với anh Sơn T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Sơn Thị A, sinh ngày 16/02/2012 cho chị Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Sơn T không phải cấp dưỡng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Sơn Thị A mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có và đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Thị H nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Thị H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002689 ngày 30/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu án phí.

Anh Sơn T không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Chí Tâm